CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2018 ĐẾN NGÀY 30/6/2018

Tháng 7 năm 2018

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN
Ký ngày: 2/8/2018 16:34:22

MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Hoành Sơn	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên
Ông Đào Minh Tùng	Thành viên
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Hà	Thành viên
Ông Trần Bảo Trung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Hoành Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Đào Minh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Tôn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Hoành Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban điều hành cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban điều hành, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban điều hành

M.S.D.N: 3601010336 - C
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN
H. NHƠN TRẠCH - T. ĐỒNG NAI

Phạm Hoành Sơn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đồng Nai, ngày 31tháng 7 năm 2018

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Lầu 6, tòa nhà HUD, số 159 Điện Biên Phủ
P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3840 6618/ Fax: (84-8) 3840 6616
Website: www.vaco.com.vn

Số: 086 */VACO/BCSX.HCM*

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Ban điều hành**
Các cổ đông
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 07 năm 2018, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

M.S.C.N: 0102546856-002-C.T.T.N.H.H. CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VACO Q. BÌNH THẠNH T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Đức Tiến
Giám đốc Chi nhánh
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. HCM , ngày 31 tháng 7 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**292.855.891.842**	**299.195.576.680**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**271.739.501.123**	**293.940.897.578**
1. Tiền	111		269.501.123	3.350.312.881
2. Các khoản tương đương tiền	112		271.470.000.000	290.590.584.697
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**14.900.000.000**	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	14.900.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**4.709.432.139**	**4.043.514.466**
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	3.395.866.400	3.197.216.400
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.313.565.739	846.298.066
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.506.958.580**	**1.211.164.636**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.474.131.121	1.178.337.177
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	8	32.827.459	32.827.459
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**810.330.807.380**	**809.905.812.200**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**572.300.000.000**	**572.300.000.000**
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	6	572.300.000.000	572.300.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**142.797.587**	**106.893.316**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	142.797.587	106.893.316
- Nguyên giá	*222*		*9.743.807.323*	*9.654.363.687*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(9.601.009.736)*	*(9.547.470.371)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	-	-
- Nguyên giá	*228*		*41.733.000*	*41.733.000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(41.733.000)*	*(41.733.000)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**237.888.009.793**	**237.498.918.884**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	237.888.009.793	237.498.918.884
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**12**	-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.000.000.000	8.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**1.103.186.699.222**	**1.109.101.388.880**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**18.364.863.454**	**17.465.352.339**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**18.364.863.454**	**17.465.352.339**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		369.577.865	215.577.865
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	8	122.446.934	54.397.427
3. Phải trả người lao động	314		529.535.348	-
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	15.017.614.909	14.822.788.649
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.325.688.398	2.372.588.398
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.084.821.835.768**	**1.091.636.036.541**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**14**	**1.084.821.835.768**	**1.091.636.036.541**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*1.100.000.000.000*	*1.100.000.000.000*
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.285.641.372	9.285.641.372
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.069.929.634	2.069.929.634
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(26.533.735.238)	(19.719.534.465)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		(19.719.534.465)	*(30.562.893.226)*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		(6.814.200.773)	*10.843.358.761*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**1.103.186.699.222**	**1.109.101.388.880**

Đồng Nai, ngày 31 tháng 7 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Đức Nhơn	Đào Minh Tùng	Phạm Hoành Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	**10**		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	5.536.027.557	16.094.294.953
7. Chi phí tài chính	22		2.167.537.263	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*2.167.537.263*	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	10.182.691.067	9.597.473.183
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (22 + 25 + 26)}	**30**		**(6.814.200.773)**	**6.496.821.770**
11. Thu nhập khác	31		-	4.000.000
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		-	**4.000.000**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**(6.814.200.773)**	**6.500.821.770**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	**60**		**(6.814.200.773)**	**6.500.821.770**
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	(62)	72

Đồng Nai, ngày 31 tháng 7 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Đức Nhơn	Đào Minh Tùng	Phạm Hoành Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lãi/ (Lỗ) trước thuế	***01***	***(6.814.200.773)***	***6.500.821.770***
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	53.539.365	105.012.733
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(5.536.027.557)	(16.094.294.953)
- Chi phí lãi vay	06	2.167.537.263	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***(10.129.151.702)***	***(9.488.460.450)***
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	(709.693.944)	5.823.568.692
- (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	946.411.115	(1.022.757.718)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.167.537.263)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(46.900.000)	(29.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(12.106.871.794)***	***(4.716.649.476)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn	21	(677.184.545)	(113.596.384)
2.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(93.500.000.000)	(97.000.000.000)
	24	78.600.000.000	-
3.Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác			
4.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.482.659.884	8.234.720.733
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(10.094.524.661)***	***(88.878.875.651)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	200.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	186.950.000.000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(186.950.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	*-*	***200.000.000.000***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**(22.201.396.455)**	**106.404.474.873**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**293.940.897.578**	**664.844.425.832**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	**70**	**271.739.501.123**	**771.248.900.705**

Đồng Nai, ngày 31 tháng 7 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Đức Nhơn	Đào Minh Tùng	Phạm Hoành Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4703000541, ngày 14 tháng 5 năm 2008 (đăng ký thay đổi và điều chỉnh lần thứ 07 số 3601010336 ngày 16 tháng 3 năm 2018) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3601010336 thay đổi lần thứ 07 ngày 16 tháng 3 năm 2018 vốn điều lệ của Công ty là 1.100.000.000.000 VNĐ, tương đương 110.000.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2018 là 49 người (tại ngày 01/01/2018 là 50 người).

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, vận hành, khai thác cảng biển, logistics và các dịch vụ khác có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Khai thác Cảng và khu hậu cần.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Đầu tư xây dựng phát triển Cảng và khu hậu cần; Đầu tư xây dựng và vận hành căn cứ dịch vụ container, kho bãi hàng hóa và các công trình chuyên ngành (hệ thống kho chứa các sản phẩm dầu khí)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Vận hành căn cứ dịch vụ container, kho bãi hàng hóa và các công trình chuyên ngành (hệ thống kho chứa các sản phẩm dầu khí) và các dịch vụ hậu cần; Đại lý tàu biển; Cho thuê các phương tiện vận tải, thiết bị bốc xếp nâng hạ.
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải đường ống
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Cho thuê xe có động cơ
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn vật tư, thiết bị
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép
- Xây dựng nhà các loại: Đầu tư nhà ở công nhân viên, nhà làm việc và nhà văn phòng (trong khu vực cảng)
- Sửa chữa máy móc, thiết bị: Sửa chữa trang thiết bị cho công trình dầu khí.
- Vận tải hành khách đường bộ khác
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): Sửa chữa phương tiện thủy.
- Hoàn thiện công trình xây dựng: Lắp đặt trang thiết bị cho công trình dầu khí và phương tiện thủy.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê trang thiết bị, máy móc, dụng cụ phục vụ cho các ngành công nghiệp.
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần BOT đường vào Cảng Phước An	Đồng Nai	51%	Trên 50 (chi phối)	Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, san lấp, thi công công trình

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Thông tin so sánh là bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017 đã được công bố, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Hoành Sơn	Cổ đông chiếm 60,00 % vốn chủ sở hữu
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cổ đông chiếm 31,82 % vốn chủ sở hữu
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	Cổ đông chiếm 6,82 % vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	Công ty sở hữu 10 % vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	Cùng Chủ tịch HĐQT, Công ty mẹ của Công ty TNHH MTV Hoành Sơn
Các Công ty có vốn đầu tư của Công ty CP Tập đoàn Hoành Sơn và Công ty TNHH MTV Hoành Sơn	Có cùng chủ sở hữu
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này được trình bày cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015 đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,

b) Đối với tài sản và nợ phải trả Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có hướng dẫn cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Ghi nhận doanh thu

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	6.296.561	205.704.689
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	263.204.562	3.144.608.192
Các khoản tương đương tiền (i)	271.470.000.000	290.590.584.697
	271.739.501.123	**293.940.897.578**

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi tiết kiệm 121.470.000.000 VND có kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng với lãi suất 4,7%/năm và khoản tiền Công ty con đầu tư tài chính ngắn hạn theo hợp đồng số 17/HĐ-PBOT ngày 08/12/2017 và 22/HĐ-PARBOT ngày 04/02/2018, với số tiền là 150.000.000.000 VND, thời hạn đầu tư 03 tháng với lãi suất 5%/năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản đầu tư tài chính với thời hạn 6 tháng, lãi suất 7%/năm.

6. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Trả trước người bán ngắn hạn	***3.395.866.400***	***3.197.216.400***
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Đồng Nai	2.414.650.000	2.200.000.000
Trả trước người bán khác	981.216.400	997.216.400
b) Trả trước người bán dài hạn	***572.300.000.000***	***572.300.000.000***
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nga Sơn (i)	572.300.000.000	572.300.000.000
	575.695.866.400	**575.497.216.400**

(i) Đây là khoản tạm ứng theo Hợp đồng số 04/2017/HĐXD-PAP ngày 5/10/2017 giữa Công ty và Nhà thầu là Liên Doanh Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nga Sơn ("Nga Sơn") và Công ty Cổ phần Núi Hồng ("Núi Hồng") về việc thi công xây lắp Phân kỳ 1- Dự Án Cảng Phước An. Theo hợp đồng, Nga Sơn là thành viên đứng đầu liên danh.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	465.000.000	-	55.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	70.075.000	-	66.175.000	-
Lãi dự thu	778.490.739	-	725.123.066	-
	1.313.565.739	**-**	**846.298.066**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
a) Phải thu	**VND**	**VND**	**VND**	**VND**
Thuế TNDN nộp thừa	32.827.459	-	-	32.827.459
	32.827.459	**-**	**-**	**32.827.459**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
b) Phải nộp	**VND**	**VND**	**VND**	**VND**
Thuế thu nhập cá nhân	54.397.427	113.325.620	45.276.113	122.446.934
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	54.397.427	**116.325.620**	**48.276.113**	**122.446.934**

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	**VND**	**VND**
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày đầu kỳ	**9.326.649.688**	**327.713.999**	**9.654.363.687**
- Mua trong kỳ	-	89.443.636	89.443.636
Tại ngày cuối kỳ	**9.326.649.688**	**417.157.635**	**9.743.807.323**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày đầu kỳ	**9.232.526.579**	**314.943.792**	**9.547.470.371**
- Khấu hao trong kỳ	48.607.701	4.931.664	53.539.365
Tại ngày cuối kỳ	**9.281.134.280**	**319.875.456**	**9.601.009.736**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	**94.123.109**	**12.770.207**	**106.893.316**
Tại ngày cuối kỳ	**45.515.408**	**97.282.179**	**142.797.587**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2018 là 9.562.000.051 VND (tại ngày 01/01/2018 là 8.881.570.051 VND).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

TSCĐ vô hình là phần mềm kế toán có nguyên giá 41.733.000 VND, toàn bộ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	**VND**
Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng	151.500.864.166	151.500.864.166
Lập dự án đầu tư	11.150.794.545	11.150.794.545
Chi phí triển khai dự án	18.658.044.965	18.658.044.965
Khảo sát địa chất	15.009.077.229	15.009.077.229
Rà soát bom mìn	16.100.764.040	16.100.764.040
Thiết kế bản vẽ thi công	16.377.837.951	16.377.837.951
Chi phí khác	9.090.626.897	8.701.535.988
	237.888.009.793	**237.498.918.884**

Các chi phí này liên quan đến việc thực hiện dự án Cảng Phước An.

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao (i)	8.000.000.000	(*)	(8.000.000.000)	8.000.000.000	(*)	(8.000.000.000)
	8.000.000.000	**-**	**(8.000.000.000)**	**8.000.000.000**	**-**	**(8.000.000.000)**

Số vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao được góp theo mệnh giá với tỷ lệ vốn góp là 10% vốn điều lệ. Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao, tuy nhiên theo báo cáo tài chính năm 2016, thì Công ty Cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao đã có số lỗ lũy kế vượt gấp 04 lần số vốn chủ sở hữu và , do đó, Công ty vẫn duy trì mức trích lập dự phòng đầu tư tài chính là 100% đối với Công ty Cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương (i)	13.345.884.000	13.345.884.000
Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Nhơn Trạch (ii)	1.377.433.544	1.377.433.544
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	294.297.365	99.471.105
	15.017.614.909	**14.822.788.649**

(i) Đây là khoản tiền của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương góp vốn để thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 032/HĐ-PAP ngày 17 tháng 08 năm 2011 tại Dự Án Cảng Phước An với tư cách nhà đầu tư thứ cấp.

(ii) Đây là khoản tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của một số hộ dân nằm trong diện tích giải tỏa tại Khu dịch vụ hậu cần Cảng Phước An và tuyến đường kết nối vào cảng, xã Long Thọ và xã Phước An, huyện Nhơn Trạch nhưng các hộ dân này chưa nhận tiền đến ngày 30 tháng 6 năm 2018.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày đầu năm trước	**900.000.000.000**	**7.644.654.711**	**2.069.929.634**	**(28.921.906.565)**	**880.792.677.780**
Tăng vốn	200.000.000.000	-	-	-	200.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.843.358.761	10.843.358.761
Phân phối lợi nhuận	-	1.640.986.661	-	(1.640.986.661)	-
Số dư tại ngày đầu năm nay	**1.100.000.000.000**	**9.285.641.372**	**2.069.929.634**	**(19.719.534.465)**	**1.091.636.036.541**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(6.814.200.773)	(6.814.200.773)
Số dư tại ngày cuối kỳ này	**1.100.000.000.000**	**9.285.641.372**	**2.069.929.634**	**(26.533.735.238)**	**1.084.821.835.768**

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	110.000.000	110.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*110.000.000*	*110.000.000*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.000.000	110.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*110.000.000*	*110.000.000*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3601010336 thay đổi lần thứ 07 ngày 16 tháng 3 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 1.100.000.000.000 VNĐ, tương đương 110.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Tại ngày cuối kỳ		Tại ngày đầu kỳ	
	Vốn góp	Tỉ lệ	Vốn góp	Tỉ lệ
	VND	%	VND	VND
Công ty TNHH MTV Hoành Sơn	660.000.000.000	60,00%	660.000.000.000	60,00%
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	350.000.000.000	31,82%	350.000.000.000	31,82%
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)	75.000.000.000	6,82%	75.000.000.000	6,82%
Các cổ đông khác	15.000.000.000	1,36%	15.000.000.000	1,36%
	1.100.000.000.000	**100%**	**1.100.000.000.000**	**100%**

15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngoại tệ USD	1.801,73	1.808,33

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty đang trong giai đoạn thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản, chưa phát sinh doanh thu hoạt động chính và Công ty hoạt động trong một khu vực địa lý tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày thêm thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	760.340.735	618.156.611
Chi phí nhân công	5.575.291.491	5.429.692.543
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.539.365	105.012.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.548.156.711	3.381.995.880
Chi phí khác bằng tiền	245.362.765	62.615.416
	10.182.691.067	**9.597.473.183**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.536.027.557	16.094.294.953
	5.536.027.557	**16.094.294.953**

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.575.291.491	5.429.692.543
Chi phí vật liệu quản lý	760.340.735	618.156.611
Chi phí đồ dùng văn phòng	236.924.044	55.045.455
Chi phí khấu hao TSCĐ	53.539.365	105.012.733
Thuế, phí và lệ phí	8.438.721	7.569.961
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.548.156.711	3.381.995.880
	10.182.691.067	**9.597.473.183**

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi/ (Lỗ) trước thuế	**(6.814.200.773)**	**6.500.821.770**
Điều chỉnh cho thu nhập không chịu thuế	**45.000.000**	**(6.500.821.770)**
Cộng: chi phí không được trừ	45.000.000	30.000.000
Chuyển lỗ các năm trước	-	(6.530.821.770)
Thu nhập tính thuế	**(6.769.200.773)**	**-**
Thuế suất thuế TNDN		
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**-**	**-**

21. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ còn lại với số tiền 23.169.246.718 VND (Năm 2017: 16.400.045.945 VND) vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

Lợi nhuận từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Số lỗ còn được chuyển tại ngày 30 tháng 6 năm 2018:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ	Kỳ chuyển lỗ	Số lỗ đã chuyển đến 31/12/2017	Số lỗ còn được chuyển	Số lỗ chuyển trong kỳ tính thuế này	Số lỗ còn được chuyển sang năm sau
Năm	VND	Năm	VND	VND	VND	VND
2014	(10.992.872.717)	2015 - 2019	(6.294.430.237)	(4.698.442.480)	-	(4.698.442.480)
2015	(11.701.603.465)	2016 - 2020	-	(11.701.603.465)	-	(11.701.603.465)
2018	(6.769.200.773)	2019-2024	-	(6.769.200.773)	-	(6.769.200.773)
	(29.463.676.955)		**(6.294.430.237)**	**(23.169.246.718)**	**-**	**(23.169.246.718)**

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.814.200.773)	6.500.821.770
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	110.000.000	90.110.497
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(62)**	**72**

23. CAM KẾT GÓP VỐN VÀO CÔNG TY CON

Theo Biên bản họp Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần BOT đường vào Cảng Phước An ngày 11 tháng 9 năm 2017, Công ty Cổ phần BOT đường vào Cảng Phước An có ba cổ đông chiến lược góp vốn. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, mới có Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT đường vào Cảng Phước An.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty là phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	271.739.501.123	293.940.897.578
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.748.565.739	791.298.066
	287.488.066.862	**294.732.195.644**
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	15.192.674.014	15.038.366.514
Chênh lệch thanh khoản thuần	**15.192.674.014**	**15.038.366.514**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Tổng
	VND	VND
Tại ngày cuối kỳ		
Tiền và các khoản tương đương tiền	271.739.501.123	271.739.501.123
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.748.565.739	15.748.565.739
	287.488.066.862	**287.488.066.862**
Tại ngày cuối kỳ		
Phải trả người bán và phải trả khác	15.192.674.014	15.192.674.014
	15.192.674.014	**15.192.674.014**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**272.295.392.848**	**272.295.392.848**
Tại ngày đầu kỳ		
Tiền và các khoản tương đương tiền	293.940.897.578	293.940.897.578
Phải thu khách hàng và phải thu khác	791.298.066	791.298.066
	294.732.195.644	**294.732.195.644**
Tại ngày đầu kỳ		
Phải trả người bán và phải trả khác	15.038.366.514	15.038.366.514
	15.038.366.514	**15.038.366.514**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**279.693.829.130**	**279.693.829.130**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn		
Đầu tư tài chính	135.500.000.000	97.000.000.000
Thu hồi đầu tư tài chính	78.600.000.000	-
Lãi đầu tư tài chính	2.096.547.945	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu về đầu tư tài chính ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	164.900.000.000	108.000.000.000

Thu nhập của Ban điều hành trong năm được hưởng như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu nhập ban điều hành và thành viên chủ chốt	868.886.067	1.131.375.371

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 là kỳ đầu tiên lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, vì vậy số liệu so sánh là bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017.

Đồng Nai, ngày 31 tháng 7 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Đức Nhơn	Đào Minh Tùng	Phạm Hoành Sơn